

Phụ lục

KINH PHÍ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH, XÃ,
PHƯỜNG, ĐẶC KHU LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 -2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

STT	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	Kinh phí	Ghi chú
1	2	3	4
TỔNG CỘNG		12.596.175.000	
I Cấp tỉnh		997.400.000	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	997.400.000	
II Cấp xã, phường, đặc khu		11.598.775.000	
1	Đặc khu Kiên Hải	94.450.000	
2	Đặc Khu Phú Quốc	138.850.000	
3	Đặc Khu Thổ Châu	82.300.000	
4	Phường Bình Đức	114.850.000	
5	Phường Châu Đốc	114.850.000	
6	Phường Chi Lăng	114.850.000	
7	Phường Hà Tiên	114.850.000	
8	Phường Long Phú	114.850.000	
1	Phường Long Xuyên	137.950.000	
2	Phường Mỹ Thới	114.850.000	
3	Phường Rạch Giá	206.825.000	Đại hội điểm
4	Phường Tân Châu	114.850.000	
5	Phường Thới Sơn	114.850.000	
6	Phường Tịnh Biên	114.850.000	
7	Phường Tô Châu	114.850.000	
8	Phường Vĩnh Tế	114.850.000	
9	Phường Vĩnh Thông	114.850.000	
10	Xã An Biên	114.850.000	
11	Xã An Châu	114.850.000	
12	Xã An Cư	114.850.000	
13	Xã An Minh	114.850.000	
14	Xã An Phú	114.850.000	
15	Xã Ba Chúc	114.850.000	
16	Xã Bình An	114.850.000	
17	Xã Bình Giang	80.050.000	
18	Xã Bình Hòa	114.850.000	
19	Xã Bình Mỹ	114.850.000	
20	Xã Bình Sơn	80.050.000	
21	Xã Bình Thạnh Đông	114.850.000	
22	Xã Cần Đăng	114.850.000	

STT	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	Kinh phí	Ghi chú
1	2	3	4
23	Xã Châu Phong	114.850.000	
24	Xã Châu Phú	114.850.000	
25	Xã Châu Thành	114.850.000	
26	Xã Chợ Mới	114.850.000	
27	Xã Chợ Vàm	114.850.000	
28	Xã Cô Tô	114.850.000	
29	Xã Cù Lao Giêng	114.850.000	
30	Xã Định Hòa	114.850.000	
31	Xã Định Mỹ	114.850.000	
32	Xã Đông Hòa	114.850.000	
33	Xã Đông Hưng	114.850.000	
34	Xã Đông Thái	114.850.000	
35	Xã Giang Thành	114.850.000	
36	Xã Giồng Riềng	114.850.000	
37	Xã Gò Quao	114.850.000	
38	Xã Hòa Điền	114.850.000	
39	Xã Hòa Hưng	114.850.000	
40	Xã Hòa Lạc	114.850.000	
41	Xã Hòa Thuận	114.850.000	
42	Xã Hòn Đất	114.850.000	
43	Xã Hòn Nghệ	82.300.000	
44	Xã Hội An	114.850.000	
45	Xã Khánh Bình	114.850.000	
46	Xã Kiên Lương	114.850.000	
47	Xã Long Điền	114.850.000	
48	Xã Long Kiến	114.850.000	
49	Xã Long Thạnh	114.850.000	
50	Xã Mỹ Đức	114.850.000	
51	Xã Mỹ Hòa Hưng	80.050.000	
52	Xã Mỹ Thuận	114.850.000	
53	Xã Ngọc Chúc	114.850.000	
54	Xã Nhơn Hội	114.850.000	
55	Xã Nhơn Mỹ	114.850.000	
56	Xã Núi Cấm	114.850.000	
57	Xã Óc Eo	114.850.000	
58	Xã Ô Lâm	114.850.000	
59	Xã Phú An	114.850.000	
60	Xã Phú Hòa	114.850.000	
61	Xã Phú Hữu	114.850.000	
62	Xã Phú Lâm	114.850.000	
63	Xã Phú Tân	114.850.000	
64	Xã Sơn Hải	82.300.000	
65	Xã Sơn Kiên	114.850.000	
66	Xã Tân An	114.850.000	
67	Xã Tân Hiệp	114.850.000	
68	Xã Tân Hội	114.850.000	

STT	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	Kinh phí	Ghi chú
1	2	3	4
69	Xã Tân Thạnh	114.850.000	
70	Xã Tây Phú	114.850.000	
71	Xã Tây Yên	114.850.000	
72	Xã Thạnh Đông	114.850.000	
73	Xã Thạnh Hưng	114.850.000	
74	Xã Thạnh Lộc	114.850.000	
75	Xã Thạnh Mỹ Tây	114.850.000	
76	Xã Thoại Sơn	114.850.000	
77	Xã Tiên Hải	82.300.000	
78	Xã Tri Tôn	114.850.000	
79	Xã U Minh Thượng	114.850.000	
80	Xã Vân Khánh	114.850.000	
81	Xã Vĩnh An	114.850.000	
82	Xã Vĩnh Bình	114.850.000	
83	Xã Vĩnh Điều	114.850.000	
84	Xã Vĩnh Gia	114.850.000	
85	Xã Vĩnh Hanh	114.850.000	
86	Xã Vĩnh Hậu	114.850.000	
87	Xã Vĩnh Hòa	114.850.000	
88	Xã Vĩnh Hòa Hưng	114.850.000	
89	Xã Vĩnh Phong	114.850.000	
90	Xã Vĩnh Thạnh Trung	114.850.000	
91	Xã Vĩnh Thuận	114.850.000	
100	Xã Vĩnh Trạch	114.850.000	
101	Xã Vĩnh Tuy	114.850.000	
102	Xã Vĩnh Xương	114.850.000	